

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 6 năm 2025

Số: KQ2500186411_2506191448

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu Gói thầu thuốc Generic (gồm 05 lượt hoạt chất), thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm bổ sung thuốc cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng Quý II năm 2025, thuộc dự án/dự toán mua sắm Mua sắm bổ sung thuốc cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng Quý II năm 2025

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN UNG BƯỞU ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 5898/QĐ-UBND ngày 15/8/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc Hội, Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hoá dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ, và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn đăng thông tin chọn nhà thầu, mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Bộ

trường Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư 07/2024/TT-BYT ngày 17/05/2024 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Công văn số 3008/SYT-NVD ngày 14/06/2024 của Sở Y tế TP Đà Nẵng về việc mua sắm thuốc do cơ sở y tế lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Công văn số 6527/SYT – NVD ngày 05/11/2024 của Sở Y tế TP Đà Nẵng về việc dự kiến kết quả mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương giai đoạn năm 2024-2026;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-BVUBĐN ngày 21/04/2025 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc thành lập Bên mời thầu Dự toán mua sắm bổ sung thuốc cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng Quý II năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-BVUBĐN ngày 29/04/2025 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán Mua sắm bổ sung thuốc cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng Quý II năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-BVUBĐN ngày 29/04/2025 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc thành lập Tổ chuyên gia lập E-HSMT Gói thầu thuốc Generic (gồm 05 lượt hoạt chất) thuộc dự toán Mua sắm bổ sung thuốc cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng Quý II năm 2025;

Căn cứ Quyết định số E2500186411_2505131045 ngày 13/05/2025 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu Gói thầu thuốc Generic (gồm 05 lượt hoạt chất) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm bổ sung thuốc cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng Quý II năm 2025 thuộc dự toán Mua sắm bổ sung thuốc cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng Quý II năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 434/QĐ-BVUBĐN ngày 23/05/2025 của Bệnh

viện Ung bướu Đà Nẵng về việc thành lập Tổ chuyên gia đánh giá E-HSDT Gói thầu thuốc Generic (gồm 05 lượt hoạt chất) thuộc Dự toán Mua sắm bổ sung thuốc cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng Quý II năm 2025;

Căn cứ Biên bản mở E-HSDT qua mạng ngày 23/05/2025 Gói thầu thuốc Generic (gồm 05 lượt hoạt chất) thuộc Dự toán Mua sắm bổ sung thuốc cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng Quý II năm 2025;

Căn cứ Báo cáo đánh giá số 01/BC-TCG của Tổ chuyên gia ngày 09/06/2025 Gói thầu thuốc Generic (gồm 05 lượt hoạt chất) thuộc Dự toán Mua sắm bổ sung thuốc cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng Quý II năm 2025;

Xét đề nghị của *Bên mời thầu tại Tờ trình số 03/TTr-BMT ngày 16/06/2025 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc Generic (gồm 05 lượt hoạt chất) và Báo cáo thẩm định số 01/BC-TTĐKQLCNT ngày 19/06/2025 của Tổ thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu: *Gói thầu thuốc Generic (gồm 05 lượt hoạt chất);* thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2500186411
- Tên gói thầu: Gói thầu thuốc Generic (gồm 05 lượt hoạt chất)
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có): 1.698.267.900 VND
- Tên chủ đầu tư: BỆNH VIỆN UNG BƯỚU ĐÀ NẴNG
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 3 Tháng

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

| S T T | Phân/ lô nhà thầu tham dự | Tên nhà thầu | Mã số thuế | Giá dự thầu (VND) | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có) | Điểm kỹ thuật (nếu có) | Giá đánh giá (nếu có) (VND) | Giá trúng thầu (VND) | Thời gian thực hiện gói thầu | Thời gian thực hiện hợp đồng | Các nội dung khác (nếu có) |
|-------------|---------------------------------------|--------------------|---------------|--------------------------------|---|------------------------------------|--|-----------------------------------|---|---|---|
|-------------|---------------------------------------|--------------------|---------------|--------------------------------|---|------------------------------------|--|-----------------------------------|---|---|---|

| | | | | | (VND) | | | | | | |
|---|-------------------------|---|------------|---------------|---------------|--|--|---------------|----------|----------|--|
| 1 | Vanco mycin | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC | 2500228415 | 42.432.000 | 42.432.000 | | | 42.432.000 | 03 tháng | 03 tháng | |
| 2 | Temozolomid | CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUYP HARM A | 0317075050 | 1.050.168.000 | 1.050.168.000 | | | 1.050.168.000 | 03 tháng | 03 tháng | |
| 3 | Sắt sulfat + acid folic | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRAN G THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDI PHAR) | 4100259564 | 6.235.740 | 6.235.740 | | | 6.235.740 | 03 tháng | 03 tháng | |
| 4 | Filgrastim | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÙNG THÀN | 0101843461 | 568.920.000 | 568.920.000 | | | 568.920.000 | 03 tháng | 03 tháng | |

| | | | | | | | | | | | |
|---|--|---------------------------------|------------|------------|------------|--|--|------------|----------|----------|--|
| | | H | | | | | | | | | |
| 5 | Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat | CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV THẮNG LONG | 0102897124 | 23.812.400 | 23.812.400 | | | 23.812.400 | 03 tháng | 03 tháng | |

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

| STT | Phần/lô nhà thầu tham dự | Tên nhà thầu | Mã số thuế | Lý do nhà thầu không trúng thầu |
|-----|--|---|------------|---------------------------------|
| 1 | Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR) | 4100259564 | Nhà thầu xếp hạng 2 |
| 2 | Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat | CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AT & C | 0313369758 | Nhà thầu xếp hạng 3 |

4. Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu:

| STT | Mã phần (lô) | Tên phần (lô) | Mã thuốc | Tên thuốc | Tên hoạt chất / Tên thương phẩm của thuốc | Nồng độ, hàm lượng | Đơn vị đóng gói | Dạng bào chế | Quy cách | Nhóm thuốc | Hạn dùng (Tuổi thọ) | GD KL H hoặc GP NK | Cơ sở sản xuất | Xuất xứ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền | Tiền độ cung cấp |
|-----|--------------|---------------|----------|---------------|---|--------------------|-----------------|-----------------------|-----------|------------|---------------------|-----------------------------|---------------------------|----------|------------------------------|----------|--------------------------|------------|------------------|
| 1 | PP2500222466 | Vancomycin | | | | | | | | | | | | | Chai / lọ / ống / túi / bình | 1.326 | | 42.432.000 | 03 tháng |
| 1.1 | | | GEN1 | Vancomycin 1g | Vancomycin (dạng van | 1g | Tiêm | Bột đông khô pha tiêm | Hộp 10 lọ | N4 | 36 tháng | 893110375623 (CV gia hạn số | Công ty Cổ phần Dược phẩm | Việt Nam | Lọ | 1.326 | 32.000 | 42.432.000 | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|--------------------------|--|----------|---------------------------|---|-----------------------------|----------|--------------------------------|---------------------------------|----|-----------------|---|---|-----------------|------------|------------|---------------------------|---------------------------|--|
| | | | | | com ycin hydr oclo rid) | | | | | | | 776 / QĐ - QLD ngày 19/ 10/ 202 3) | m Vĩn h Phú c | | | | | | |
| 2 | PP2 500 222 467 | Tem ozo lom id | | | | | | | | | | | | Viê n | 1.7 86 | | 1.05 0.1 68. 000 | 03 thá ng | |
| 2.1 | | | GE N2 | Zolo dal Tab 100 | Tem ozo lom ide | 100 mg | Uón g | Viên nén bao phi m | Hộp 1 vi x 5 viên | N4 | 36 thá ng | 893 114 046 724 | Côn g ty TN HH sinh dự c phẩ m Her a | Việt Na m | Viê n | 1.7 86 | 588 .000 | 1.05 0.1 68. 000 | |
| 3 | PP2 500 222 468 | Sắt sulfa t + acid foli c | | | | | | | | | | | | Viê n | 14. 140 | | 6.2 35. 740 | 03 thá ng | |
| 3.1 | | | GE N3 | Bidi fero n | Sắt (dướ i dạng sắt II sulfa t khô) ; Acid Foli c | 50m g; 0,3 5m g | Uón g | Viên nén bao phi m | Hộp 10 vi x 10 viên | N4 | 36 thá ng | 893 100 120 625 (VD -31 296 -18) | Côn g ty cổ phần Dượ c - Tran g thiết bị y tế Bình Địn h (Bid ipha r) | Việt Na m | Viê n | 14. 140 | 441 | 6.2 35. 740 | |
| 4 | PP2 500 222 469 | Filg rast im | | | | | | | | | | | | Bơm tiê m | 1.7 24 | | 568 .920 .000 | 03 thá ng | |
| 4.1 | | | GE | Fico | Filg | 30 | Tiê | Dun | Hộp | N4 | 24 | 893 | Côn | Việt | Bơm | 1.7 | 330 | 568 | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|-----------------|---|-------|------------|--|--------------------------------------|-------|------------------|--------------------|----|----------|------------------------------|---|------------|---------------------------------|--------|--------|--------------|----------|
| | | | N4 | cyte | rastim | MU/0,5 ml | m | g dịch tiêm | 1 bơm tiêm | | tháng | 410 647 524 (QL SP-100 3-17) | g ty cổ phần công nghệ sinh học đượ c Nanogen | Na m | tiêm | 24 | .000 | .920 .000 | |
| 5 | PP2 500 222 470 | Sắt gluc onat + man gan gluc onat + đôn g gluc onat | | | | | | | | | | | | | Chai / lọ/ ống/ túi/ bình / gói | 8.0 72 | | 23. 812 .400 | 03 tháng |
| 5.1 | | | GE N5 | Hem arexin | Sắt (dướ i dạng Sắt gluc onat) 50m g; Man gan (dướ i dạng man gan gluc onat) 1,3 3mg ; Đôn g (dướ i dạng đôn | (50 mg + 1,3 3mg + 0,7 0mg) x 10m l | Uôn g | Dun g dịch uôn g | Hộp 20 ống x 10 ml | N4 | 36 tháng | 893 100 248 923 | Côn g ty TN HH Liên Doa nh Stel laph arm - Chi nhá nh 1 | Việ t Na m | Ống | 8.0 72 | 2.9 50 | 23. 812 .400 | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|-------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | g gluc onat) 0,7 mg | | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|-------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Bên mời thầu căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bên mời thầu Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KD, BMT.

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH HÙNG